



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~9996~~ BTC-HCSN

Hà Nội, ngày ~~30~~ tháng 9 năm 2022

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông
tư thay thế Thông tư liên tịch
số 122/2011/TTLT-BTC-BTP

Kính gửi:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 20/8/2021 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2021, Chính phủ quyết nghị: “*Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng, hoàn thiện chính sách, bảo đảm nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí đầu tư thỏa đáng cho công tác xây dựng thể chế, pháp luật*”; thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với Bộ Tư pháp về tình hình thực hiện nhiệm vụ, những vấn đề cần quan tâm giải quyết tại Thông báo số 140/TB-VPCP ngày 01/6/2021 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tư pháp nghiên cứu, sớm sửa đổi các quy định về kinh phí cho công tác xây dựng pháp luật.

Căn cứ báo cáo số 128/BC-BTP ngày 15/6/2022 của Bộ Tư pháp đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Bộ Tài chính dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP (kèm theo).

Đề nghị Quý Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tham gia ý kiến và gửi về Bộ Tài chính (Vụ Tài chính – Hành chính sự nghiệp) **trước ngày ~~30~~/11/2022** để tổng hợp ban hành Thông tư.

Rất mong nhận được sự cộng tác, phối hợp của Quý Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Vụ NSNN, Vụ PC;
- Lưu: VT, HCSN (20.b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thành Hưng

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ

**Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý,
rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định nội dung chi, mức chi bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây gọi là văn bản*).

2. Các cơ quan, *đơn vị*, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy định tại **Điều 113, Điều 114, Điều 128** và

thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật) (sau đây gọi tắt Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) được ngân sách nhà nước cấp kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo Thông tư này gồm:

- a) Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp;
- b) Tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ;
- c) Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- d) Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, *thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương*;
- d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;*
- e) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Nguyên tắc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Kinh phí phục vụ hoạt động tự kiểm tra văn bản theo quy định tại **Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và rà soát văn bản theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP** được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, ***rà soát*** văn bản.

2. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản của cơ quan, ***đơn vị***, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

3. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản phải đúng mục đích, đúng nội dung, đúng chế độ, định mức chi theo quy định hiện hành về các chế độ chi tiêu tài chính và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

Điều 3. Nội dung chi bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ

thống hóa văn bản; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Chi công tác phí cho các đoàn công tác thực hiện kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực; kiểm tra tình hình thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

3. Chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

4. Chi lấy ý kiến chuyên gia: *Trong các trường hợp sau đây thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định và chịu trách nhiệm việc lấy ý kiến chuyên gia:*

a) Trường hợp văn bản được kiểm tra, rà soát thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp hoặc có dấu hiệu trái pháp luật, *mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp;*

b) *Trường hợp dự thảo kế hoạch tổng rà soát văn bản, kế hoạch hệ thống hóa văn bản; báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát theo chuyên đề, theo địa bàn, theo ngành, lĩnh vực; báo cáo tổng rà soát văn bản; báo cáo hệ thống hóa văn bản cần phải lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia.*

5. Chi báo cáo (bao gồm cả báo cáo *tổng hợp* và báo cáo của từng bộ, ngành, địa phương, *đơn vị*) bao gồm: Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát văn bản theo chuyên đề, theo địa bàn, ngành, lĩnh vực; *báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo tình hình xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền;* báo cáo Thủ tướng Chính phủ hằng năm hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản. Chi báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, *mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.*

6. *Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo tại khoản 5 Điều này (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp).*

7. Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. *Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP khi phát hiện văn bản trái pháp luật; rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

9. Chi tổ chức đội ngũ cộng tác viên kiểm tra, *rà soát, hệ thống hóa* văn bản:

a) Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát văn bản; chi thù lao cộng tác viên kiểm tra, **rà soát, hệ thống hóa** văn bản theo hợp đồng khoán việc tính trên số lượng văn bản xin ý kiến.

b) Chi thanh toán công tác phí cho cộng tác viên tham gia đoàn kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực.

10. Chi kiểm tra kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

11. Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Điều 178 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP:

a) Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, **rà soát, hệ thống hóa** văn bản để **cập nhật**, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ cho công tác kiểm tra, **rà soát, hệ thống hóa** văn bản.

b) Chi tổ chức, thu thập, phân loại, xử lý các thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí.

~~c) Chi các nhiệm vụ công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu.~~

12. Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

13. Các nội dung chi khác liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản:

Chi tổ chức nghiên cứu khoa học về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản; tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên; chi sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản; chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực về công tác kiểm tra, xử lý văn bản; chi làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm và một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản pháp luật.

Điều 4. Mức chi công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Các nội dung chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành. Cụ thể như sau:

a) Đối với các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, rà soát văn bản) được thực hiện theo quy

định tại **Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;**

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ và công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại **Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;**

c) Chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn quốc về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản: Thực hiện theo quy định tại **Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;**

d) Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại **Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính;**

~~đ) Đối với các khoản chi mua sắm các trang thiết bị, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin và các quy định hiện hành về công nghệ thông tin, xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu;~~

e) Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi khen thưởng;

g) Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, **rà soát, hệ thống hóa** văn bản được thực hiện **theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng.**

h) **Đối với các khoản chi báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.**

2. Thông tư này hướng dẫn thêm một số khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản và căn cứ vào nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4 và *Phụ lục kèm theo* của Thông tư này, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Đối với các *cơ quan, đơn vị* không phải là đơn vị dự toán, hằng năm, *cơ quan, đơn vị đầu mối* căn cứ vào các nội dung kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Thông tư này và kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa được duyệt, lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản gửi bộ phận tài chính của cơ quan mình để tổng hợp chung vào dự toán kinh phí của cơ quan theo quy định.

3. Quản lý, sử dụng và quyết toán: Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022 và thay thế Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

~~*Riêng năm 2022 các cơ quan, đơn vị, tổ chức chủ động sắp xếp trong dự toán 2022 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.*~~

Đối với kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đã được giao năm 2022, các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định tại Thông tư này và chứng từ chi tiêu thực tế tại thời điểm Thông tư có hiệu lực để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách năm 2022 đã được cấp có thẩm quyền giao.

2. *Các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này được áp dụng cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.*

3. *Mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương lập dự toán kinh phí ngân sách*

nhà nước cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương quyết định mức chi cụ thể để thực hiện chi tiêu cho phù hợp trong phạm vi dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

4. Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương; ~~Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ căn cứ vào dự toán ngân sách được giao quy định cụ thể mức chi của cơ quan, đơn vị trực thuộc nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư này. Trường hợp các địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện.~~

~~3. Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện.~~

5. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

BỘ TRƯỞNG

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TC, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCHCSN.

PHỤ LỤC
MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ BẢO ĐẢM CHO CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BTC ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	1.500	
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát văn bản theo chuyên đề, theo địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo tình hình xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền; báo cáo Thủ tướng Chính phủ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản. (Bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của từng bộ, ngành, địa phương), cụ thể:	01 báo cáo		
	- Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội	01 báo cáo	30.000	
	- Báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội	01 báo cáo	15.000	
	- Báo cáo tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan, người có thẩm quyền khác	01 báo cáo	12.000	
	- Báo cáo của từng bộ, ngành	01 báo cáo	10.000	
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01 báo cáo	7.000	
	- Báo cáo kết quả của các đơn vị chuyên môn thuộc bộ, ngành; báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện và của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt	01 báo cáo	3.000	
	- Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; đơn vị chuyên môn của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã	01 báo cáo	1.500	
	Báo cáo tình hình xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền	01 báo cáo	3.000	
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	400	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp)		900	
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
6	Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP khi phát hiện văn bản trái pháp luật	01 văn bản	Từ 250 đến 500	
7	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội.	01 văn bản		
a	Đối với văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả các Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)		Từ 200 đến 300	
b	Đối với văn bản còn lại		Từ 100 đến 200	
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản	01 văn bản		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
a	Mức chi chung		300	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp		600	
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản		
a	Đối với văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả các Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)		Từ 250 đến 350	
b	Đối với văn bản còn lại		Từ 150 đến 250	
10	Chi kiểm tra kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	01 văn bản	150	
11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản;	01 văn bản	200	
b	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
	- Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
	- Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
13	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm ...			Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.